



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN TIN THAN NGÀY**

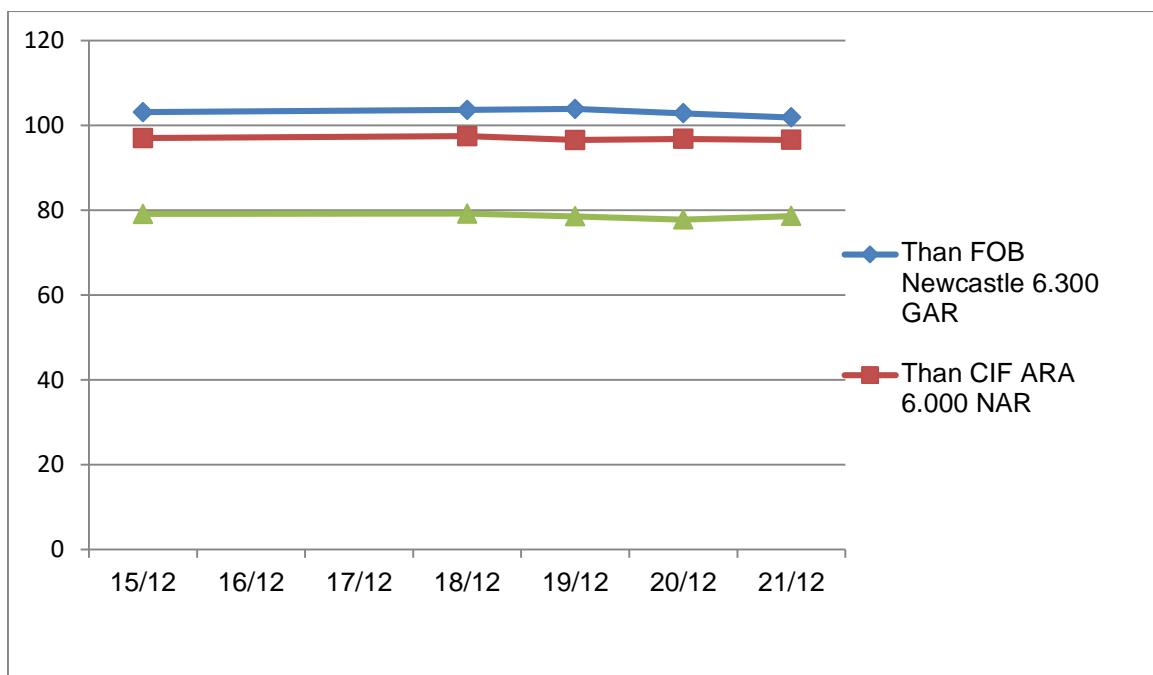
Ngày 25/12/2017

**CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI**

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	101,85	-1,00	103,60	-0,50
CIF ARA 6.000 NAR	96,60	-0,20	94,90	-0,60
FOB Richards Bay 5.500 NAR	78,60	+0,80	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	82,90	+0,05
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	66,10	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	54,70	+0,00	420,02	+0,61
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	74,30	+0,10	570,52	+1,60
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	87,50	+1,20	671,87	+10,18

**GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017**



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 21/12/2017)

## **DIỂM TIN**

### **Các công ty Trung Quốc quan tâm đến than nhiệt độ tro cao tại thị trường Châu Á**

Trong ngày thứ 5 tuần trước, giá thầu các công ty Trung Quốc đưa ra cho các đơn hàng vận chuyển bằng tàu Capesize, giao hàng trong tháng 1 năm sau đối với than nhiệt độ tro cao đã tăng khoảng 1 – 2 USD/tấn lên 75 – 76 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle do các công ty này dự báo quy định hạn chế nhập khẩu tại các cảng sẽ được nới lỏng trong thời gian tới. Dự kiến Bắc Kinh sẽ nới lỏng quy định trong những ngày tới nhằm khắc phục tình trạng thiếu hụt than tại Trung Quốc. Một công ty phía Bắc Trung Quốc cho biết hiện các chuyến hàng than Australia nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR đang được dỡ tại cảng Fancheng.

Giá than Australia 5.500 kcal/kg NAR đã bắt đầu tăng giá kể từ tuần trước và đã lên mức 76 USD/tấn, điều kiện FOB. Ngoài ra giá chào cho than Australia 5.500 kcal/kg NAR độ tro cao, giao trong tháng 1 ở mức 91 USD/tấn, điều kiện CFR South China, mức giá thầu tại Trung Quốc ở mức 89 USD/tấn, tăng 2 – 3 USD/tấn so với ngày hôm trước. Cụ thể trong ngày thứ 4, giá than điều kiện tương tự được giao dịch với mức giá khoảng 86 USD/tấn. Giá cước vận chuyển hàng khô rời tàu Capesize tuyến Newcastle - South China vẫn duy trì ổn định ở mức 12 USD/tấn. Giá than Australia 5.500 kcal/kg NAR có thể sẽ tiếp tục tăng và rút ngắn khoảng cách chỉ còn 25 – 27 USD với than Newcastle nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR (hiện đang ở mức 105 USD/tấn).

Giá chào cho than nội địa Trung Quốc nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR hiện ở mức 705 NDT/tấn, điều kiện FOB Qinhuangdao, nhưng mức giá có thể giao dịch được chỉ ở mức 700 NDT/tấn. Ngoài ra than Shanxi nhiệt trị 5.000 kcal/kg NAR đang được giao dịch ở mức 635 NDT/tấn, điều kiện FOB Qinhuangdao, than nội địa 5.000 kcal/kg NAR, 0,8% lưu huỳnh được giao dịch ở mức 630 NDT/tấn, điều kiện FOB.

### **Than nhập khẩu đến cảng Ấn Độ khó thông quan, giá than Nam Phi ổn định**

Nguồn tin từ Ấn Độ cho biết hiện tại giá các công ty Ấn Độ đưa ra đối cho than Indonesia vẫn còn thấp so với giá các công ty Trung Quốc đưa ra. Hiện giá chào bán cho than nhiệt trị 4.200 kcal/kg GAR, vận chuyển bằng tàu Supramax ở mức 47 USD/tấn, theo điều kiện FOB cao hơn so với giá thầu của các công ty Ấn Độ đưa ra ở mức 46 – 46,50 USD/tấn, điều kiện FOB Kalimantan, giao trong tháng 1 năm sau. Trong khi đó, việc đánh thuế nhập khẩu đối với than petcoke ở New Delhi vẫn chưa rõ ràng, các thông tư mới vẫn chưa được công bố khiến một số chuyến hàng tại các cảng của Ấn Độ đang bị giữ lại do chưa được thông quan. Ngoài ra giá than Nam Phi đã ổn định trong vài ngày qua, giá chào bán cho than nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR được giảm 9 USD/tấn so với giá than giao lẻ theo chuyển nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR. Than Mỹ nhiệt trị 6.900 kcal/kg NAR được chào bán cho các công ty của Ấn Độ ở mức 115 USD/tấn theo điều kiện CFR East Coast India.

### **Lượng than dự trữ tại các NMNĐ của Trung Quốc giảm 7% so với tuần trước**

Tổng lượng than dự trữ tại kho của 6 NMNĐ lớn của Trung Quốc ở miền Nam và miền Đông đạt tổng cộng 10,79 triệu tấn hôm 21/12 vừa qua, giảm 6,6% từ mức 11,55 triệu tấn hôm 14/12, theo số liệu công bố từ cảng vụ Qinhuangdao. Các NMNĐ lớn bao gồm Zhejiang Power, Shanghai Power, Guodian, Datang, Huaneng, và Guangdong Power (Yudean). Lượng than dự trữ tại kho đủ dùng cho 13,89 ngày vận hành đối với cả 6 NMNĐ, giảm từ mức 16,09 ngày thống kê hôm 14/12. Lượng than tiêu thụ trung bình tại 6 NMNĐ ở mức 777.000 tấn/ngày, tăng 9,1% từ mức 712.000 tấn/ngày theo thống kê hôm 21/12. Thời tiết lạnh kéo dài ở miền Nam và miền Đông Trung Quốc đã đẩy mạnh tốc độ tiêu thụ than tại các NMNĐ. Mức tiêu thụ than của các NMNĐ được dự báo sẽ duy trì ở mức cao trong vài tuần tới.

(Nguồn: Platts)

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
<b>Capesize</b> (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	10,40	-0,45
	Queensland	Nhật Bản	11,95	-0,45
	New South Wales	Hàn Quốc	12,30	-0,45
<b>Panamax</b>	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,05	+0,00

(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,85	-0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,30	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,50	+0,00
	Úc	Trung Quốc	11,40	-0,20
	Úc	Ấn Độ	12,45	-0,30

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 21/12/2017)